TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 8 - 2026
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuê và bà Lương Thị Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Hoàng Tú O, sinh ngày 25/6/1982; Số căn cước công dân: 035182002490; nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố B (nay là tổ dân phố số A), phường P, tỉnh Ninh Bình; chỗ ơ: Số nhà B H, phường L, thành phố Hải Phòng.

2/ Bị đơn: Anh Trần Quang C (theo trích lục cải chính hộ tịch số 148/2026/TLCCHT ngày 22/07/2026 của UBND phường P, tỉnh Ninh Bình đã cải chính từ Trần Quang Trung thành Trần Quang C), sinh ngày 11/12/1972; Số căn cước công dân: 035072006703; địa chỉ: Tổ dân phố B (nay là tổ dân phố số A), phường P, tỉnh Ninh Bình; hiện đang chấp hành án tại phân trại số D, Trại giam N, tỉnh Ninh Bình (Cục C2 Bộ C3).

(Phiên tòa vắng mặt chị O, anh C có lý do).

NHẬN THẤY:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Tú O trình bày:

Chị và anh Trần Quang Chung kết H hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường P, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 01/3/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra do anh C vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ) xử phạt 20 năm tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", hiện anh C đang chấp hành án tại phân trại 4, Trại giam N, tỉnh Ninh Bình, thời gian đầu thì chị vẫn vào thăm gặp anh C nhưng do mỗi lần vào thăm gặp thì vợ chồng lại xảy ra

mâu thuẫn nên từ năm 2020 chị không thăm gặp nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang C.

* Tại bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2026, bị đơn anh Trần Quang C trình bày:

Anh và chị Hoàng Tú O kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường P, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 01/3/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ) xử phạt 20 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh đang chấp hành án tại phân trại 4, Trại giam N, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu anh đi chấp hành án thì chị O thường xuyên vào thăm anh, nhưng từ năm 2021 đến nay thì chị O không vào thăm anh, anh và chị O chấm dứt mọi liên lạc, chị O không quan tâm, thăm gặp anh nữa. Nay chị O xin ly hôn, anh xác định thời gian chấp hành án còn dài, cuộc hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên anh nhất trí ly hôn chị O.

Về con chung: Chị O và anh C xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Nhật Q, sinh ngày 15/02/2003, Trần Thảo V, sinh ngày 24/6/2006, Trần Minh C1, sinh ngày 18/4/2011. Hiện nay cháu Q và cháu V đã trên 18 tuổi, sống tự lập nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết; cháu C1 hiện đang ở với chị O. Khi ly hôn, anh chị thống nhất để chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con nuôi, con riêng: Chị O và anh C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị O, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của cháu Trần Minh C1: Cháu là con đẻ của bố C, mẹ O. Trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Hoàng Tú O và bị đơn anh Trần Quang C vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Tú O và anh Trần Quang C.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Tú O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh C1, sinh ngày 18/4/2011. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị O.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Q1 Chung cư trú tại tổ dân phố B (nay là tổ dân phố số A), phường P, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Hoàng Tú O và anh Trần Quang C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Hoàng Tú O và bị đơn anh Trần Quang C vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Chị Hoàng Tú O và anh Trần Quang Chung kết H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2002 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường P, tỉnh Ninh Bình), đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Tú O, HĐXX thấy rằng:

Sau khi kết hôn chị O và anh Chung C sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C vi phạm pháp luật, bị xử phạt 20 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, thời gian đầu khi anh C chấp hành án thì chị O thường xuyên quan tâm vào trại thăm gặp anh C, nhưng từ năm 2021 đến nay thì chị O không vào thăm anh C nữa vì chị cho rằng mỗi lần thăm gặp thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn; và cũng kể từ năm 2021 thì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả chị O và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc. Do đó, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Tú O và anh Trần Quang C là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Trần Nhật Q, sinh ngày 15/02/2003, Trần Thảo V, sinh ngày 24/6/2006, Trần Minh C1, sinh ngày 18/4/2011. Hiện nay cháu Q và cháu V đã trên 18 tuổi, sống tự lập nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết; đối với cháu C1 hiện đang ở với chị O. Khi ly hôn, chị O và anh C thống nhất để chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái; nguyện vọng của cháu C1 mong muốn được ở với mẹ; bên cạnh đó anh C đang chấp hành án tại trại giam nên không có điều kiện và khả năng nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng đối với cháu C1. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu, cần giao cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C1, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con nuôi, con riêng: Chị O và anh C không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị O và anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Tú O và anh Trần Quang C.

2/ Về con chung: Giao cho chị Hoàng Tú O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Minh C1, sinh ngày 18/4/2011 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi, sống tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Trần Quang C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị O.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Tú O và anh Trần Quang C, mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị O đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3132 ngày 21/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị O được nhận lại số tiền 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị Hoàng Tú O và anh Trần Quang C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Ngân